

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **254/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 06 tháng 8 năm 2020

*“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị
Hoàng Thị P và anh Vũ Ngọc T”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Cao Lâm.

Bà Ma Thị Thu Loan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Trần Thị Minh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06/8/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2020 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1988.

Bị đơn: Anh Vũ Ngọc T, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị p và anh T đều vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị (Hoàng Thị P) và anh Vũ Ngọc T kết hôn với nhau vào ngày 11/9/2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hai bên đều tự nguyện, tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau ở thôn C, xã C, huyện S. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt. Vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều

lần nhưng vẫn không thể hòa hợp được, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng nhau, Anh chị đã ly thân từ tháng 3 năm 2020, vợ chồng không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Ngọc T.

Về con chung: Chị và anh Vũ Ngọc T có hai con chung là cháu Vũ Minh Đức, sinh ngày 16/5/2008 và cháu Vũ Hoàng Như Ý, sinh ngày 12/3/2011. Sau khi ly hôn, chị đề nghị anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung; về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, vay nợ chung: Chị xác định chị và anh Vũ Ngọc T không có tài sản và vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2020 bị đơn anh Vũ Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh (Vũ Ngọc T) và chị Hoàng Thị P kết hôn với nhau vào ngày 11/9/2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hai bên đều tự nguyện, tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau ở thôn C, xã C, huyện S. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do thời gian này chị p đi làm ăn xa, tính tình thay đổi, không quan tâm chăm sóc đến gia đình, đến tháng 3 năm 2020 chị p tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã Đồng Quý và không liên lạc với gia đình. Anh T vẫn cho chị p cơ hội quay lại nhưng chị không thay đổi, vẫn kiên quyết ly hôn. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải, hàn gắn được nên chị p yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Phong có hai con chung là cháu Vũ Minh Đ, sinh ngày 16/5/2008 và cháu Vũ Hoàng N, sinh ngày 12/3/2011. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu chị p cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và vay nợ chung: Anh xác định anh và chị Hoàng Thị P không có tài sản và vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử cho chị Hoàng Thị P được ly hôn với anh Vũ Ngọc T; Giao cháu Vũ Minh Đ, sinh ngày 16/5/2008 và cháu Vũ Hoàng N, sinh ngày 12/3/2011 cho

anh Vũ Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị p không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị Hoàng Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị P và anh Vũ Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ tháng 3/2020 anh chị đã ly thân, chị p kiên quyết xin ly hôn, còn anh T cũng nhất trí ly hôn với chị p.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị p và anh T là thực tế và đã trầm trọng, ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau và cả hai đã không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, thực tế cuộc sống chung của vợ chồng đã không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể duy trì và xây dựng một gia đình hạnh phúc. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị P là xử cho chị Hoàng Thị P với anh Vũ Ngọc T ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Hoàng Thị P và anh Vũ Ngọc T có hai con chung là cháu Vũ Minh Đ, sinh ngày 16/5/2008 và cháu Vũ Hoàng N, sinh ngày 12/3/2011. Chị p đề nghị anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn, anh T nhất trí với đề nghị của chị p nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung cả hai bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản và vay nợ chung: Chị Hoàng Thị P và anh Vũ Ngọc T xác định vợ chồng không có tài sản và vay nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị P ly hôn với anh Vũ Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Minh Đ, sinh ngày 16/5/2008 và cháu Vũ Hoàng N, sinh ngày 12/3/2011 cho anh Vũ Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị p không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị P phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003311 ngày 20/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh Vũ Ngọc T không phải nộp án phí

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- THADS huyện S;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Bàn Văn Thế